

TỔNG CÔNG TY BẢO ĐẢM
AN TOÀN HÀNG HẢI MIỀN NAM
CÔNG TY TNHH MTV
HOA TIÊU HÀNG HẢI KHU VỰC I
MST: 0300443683

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: ~~149~~/CTHT1-KHKD

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 6 năm 2019

V/v công bố thông tin của DNNN
theo Nghị định 81/2015/NĐ-CP.

Kính gửi:

- Bộ Giao thông vận tải;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải miền Nam.

Thực hiện Nghị định số 81/2015/NĐ-CP ngày 18/9/2015 của Chính phủ về công bố thông tin của doanh nghiệp nhà nước, Công ty TNHH MTV Hoa tiêu hàng hải khu vực I báo cáo công bố thông tin định kỳ các nội dung như sau:

- Báo cáo đánh giá về kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm và 3 năm gần nhất (Theo phụ lục V Ban hành kèm theo Nghị định số 81/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ)

Công ty TNHH MTV Hoa tiêu hàng hải khu vực I trân trọng báo cáo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phó GD phụ trách điều hành (để b/c);
- Ban lãnh đạo công ty;
- Các phòng, trạm;
- Lưu VT, KHKD.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Cao Chí Đạo

TỔNG CÔNG TY BẢO ĐẢM
AN TOÀN HÀNG HẢI MIỀN NAM
CÔNG TY TNHH MTV
HOA TIÊU HÀNG HẢI KHU VỰC I
MST: 0300443683

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH HÀNG NĂM VÀ 03 NĂM GẦN NHẤT

Năm báo cáo: 2019

1. Tình hình sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển 03 năm trước

a) Về việc thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch 3 năm trước

Trong 3 năm 2016, 2017, 2018, Công ty đã hoàn thành vượt mức kế hoạch các chỉ tiêu chính như số lượt tàu có hoa tiêu dẫn, doanh thu, lợi nhuận, nộp ngân sách nhà nước và được Bộ Giao thông vận tải xếp loại doanh nghiệp loại A trong cả ba năm.

Năm 2016, Công ty thực hiện thu nộp phí hoa tiêu hàng hải vào ngân sách nhà nước, Bộ Giao thông vận tải đặt hàng và thanh toán trên số lượt tàu do hoa tiêu của đơn vị dẫn tàu theo đơn giá công ích hoa tiêu hàng hải do Bộ Tài chính thẩm định, phê duyệt. Năm 2017, 2018 là hai năm đầu tiên Công ty TNHH MTV Hoa tiêu hàng hải khu vực I được Bộ Giao thông Vận tải cho triển khai thí điểm cơ chế thu theo giá dịch vụ hoa tiêu hàng hải ban hành tại Quyết định 3946/QĐ-BGTVT ngày 09/12/2016 ban hành Biểu khung giá dịch vụ hoa tiêu và dịch vụ cầu, bến, phao neo tại cảng biển Việt Nam và Thông tư số 54/2018/TT-BGTVT ngày 14/11/2018 ban hành biểu khung giá dịch vụ hoa tiêu, dịch vụ sử dụng cầu, bến, phao neo, dịch vụ bốc dỡ container và dịch vụ lai dắt tại cảng biển Việt Nam thay cho cơ chế thu phí nộp ngân sách nhà nước, Nhà nước đặt hàng dịch vụ công ích và thanh toán theo đơn giá công ích hoa tiêu hàng hải. Nhờ vậy mà Công ty đã chủ động về nguồn thu, đảm bảo hoạt động ổn định, khai thác hiệu quả các tuyến luồng ra vào cảng biển an toàn, đồng thời đẩy mạnh các hoạt động kinh doanh dịch vụ ngoài công ích, mang lại hiệu quả thiết thực. Tổng doanh thu có sự tăng trưởng đáng kể, thu nhập của người lao động được cải thiện, nộp ngân sách nhà nước tăng.

b) Về tiến độ thực hiện các dự án trọng điểm trong các lĩnh vực sản xuất kinh doanh trong 03 năm trước:



- Dự án lắp đặt cột ăng ten VHF cho trạm hoa tiêu Bình Thuận: đã hoàn thành đưa vào sử dụng vào tháng 7/2017.

- Dự án xây dựng trạm hoa tiêu Long An: đang triển khai xây dựng.

- Dự án đóng mới tàu hoa tiêu Hưng Long: đã nghiệm thu đưa vào sử dụng từ tháng 10/2018.

- Dự án hoàn cải thay 2 máy chính và 1 máy đèn tàu hoa tiêu Ngân Long đã hoàn thành, nghiệm thu đưa vào sử dụng tháng 4/2019.

- Mua mới 6 ô tô phục vụ công tác đưa, đón hoa tiêu dẫn tàu.

c) Những thay đổi chủ yếu trong 03 năm (những khoản đầu tư lớn, thay đổi chiến lược)

Trong 3 năm qua, Công ty đã từng bước hoàn thiện cơ sở vật chất, phương tiện và trang thiết bị để phục vụ đưa, đón, bố trí nơi tập kết hoa tiêu phục vụ dẫn tàu kịp thời, an toàn trên các tuyến luồng được cấp trên giao từ Vũng Tàu – Sài Gòn, Đồng Nai, Soài Rạp; Long An; Sông Tiền; Phú Quý; Vĩnh Tân, LPG Hòa Phú (Bình Thuận); khu chuyển tải Hồ Lân đảm bảo an toàn hàng hải, an ninh hàng hải và phòng ngừa ô nhiễm môi trường.

d) Thuận lợi, khó khăn chủ yếu, các yếu tố ảnh hưởng tới tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

- Thuận lợi:

Từ năm 2017, Công ty được triển khai cơ chế thu theo giá dịch vụ hoa tiêu hàng hải thay cho cơ chế thu phí nộp ngân sách, nhà nước đặt hàng và thanh toán theo đơn giá công ích hoa tiêu hàng hải. Nhờ vậy mà Công ty đã chủ động về nguồn thu, đảm bảo chi phí cho hoạt động kinh doanh của Công ty và có lãi.

- Khó khăn:

+ Trong môi trường cạnh tranh, có sự dịch chuyển lao động hoa tiêu ngoại hạng có kinh nghiệm, một số hoa tiêu ngoại hạng của Công ty xin nghỉ việc, chuyển sang các Công ty Hoa tiêu khác như Công ty Hoa tiêu Tân Cảng, Xí nghiệp hoa tiêu Vũng Tàu. Công ty phải liên tục tuyển dụng và đào tạo để bù cho số lượng hoa tiêu nghỉ việc, quá trình đào tạo hoa tiêu mất nhiều thời gian và tốn nhiều chi phí.

+ Chuyển giao tuyến dẫn tàu đoạn Sa Đéc – Cái Bè – Mỹ Tho và chiều ngược lại cho Công ty Hoa tiêu hàng hải khu vực V theo văn bản số 5042/CHHVN-PC ngày 19 tháng 12 năm 2018 của Cục Hàng hải Việt Nam và văn bản số

3723/TCTBĐATHHMN - QLHT ngày 03 tháng 12 năm 2018 của Tổng Công ty Bảo đảm an toàn hàng hải miền Nam.

e) Triển vọng và kế hoạch trong tương lai

Công ty tập trung phát triển nguồn nhân lực: phát triển đội ngũ hoa tiêu về số lượng, nâng cao chất lượng về trình độ chuyên môn lẫn ngoại ngữ để nâng tầm ngang với hoa tiêu các nước trong khu vực Đông Nam Á, khẳng định được năng lực và uy tín, chất lượng dịch vụ của Công ty với khách hàng, tạo được lòng tin và sự hài lòng của khách hàng.

MỘT SỐ CHỈ TIÊU VỀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA CÔNG TY

S T T	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2016	Thực hiện năm 2017	Thực hiện năm 2018	Ước thực hiện năm báo cáo (2019)
1	Lượt tàu	Lượt	12.862	13.547	13.981	13.500
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	127,63	209,89	209,699	192,50
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	25,28	69,27	69,767	60,016
4	Nộp ngân sách (thuế TNDN)	Tỷ đồng	5,10	14,00	58,749	30
5	Kế hoạch đầu tư phát triển	Tỷ đồng	3,10	17,68	11,90	-
a)	- Nguồn ngân sách	Tỷ đồng				
b)	- Vốn vay	Tỷ đồng				
c)	- Vốn khác	Tỷ đồng	3,10	17,68	11,90	
6	Tổng lao động	Người	208	209	210	217
7	Tổng quỹ lương	Tỷ đồng	59,83	85,57	84,38	72,32
a)	- Quỹ lương quản lý	Tỷ đồng	1,72	3,09	3,17	1,853
b)	- Quỹ lương lao động	Tỷ đồng	58,11	82,48	81,21	70,467